

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật đối với  
Phòng khám Nha khoa Việt Úc thuộc Công ty TNHH Nha khoa Quốc tế Á Âu

### GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định 2066/QĐ-SYT ngày 21/4/2026 của Giám đốc Sở Y tế Ninh Bình về việc kiện toàn Đoàn thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép hoạt động tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Khám, chữa bệnh, Sở Y tế.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt 62 danh mục kỹ thuật thực hiện tại Phòng khám Nha khoa Việt Úc thuộc Công ty TNHH Nha khoa Quốc tế Á Âu, địa chỉ: số nhà 705 đường Lý Thường Kiệt, phường Phù Vân, tỉnh Ninh Bình, số Giấy phép hoạt động: 959/NB-GPHĐ do Sở Y tế tỉnh Ninh Bình cấp ngày 21/5/2026;

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, ban hành. Phòng khám Nha khoa Việt Úc phải thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật được Sở Y tế Ninh Bình phê duyệt và theo đúng quy định của pháp luật có liên quan về hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

**Điều 3.** Trưởng Phòng Quản lý Khám, chữa bệnh, Trưởng các phòng chức năng Sở Y tế, Phòng khám Nha khoa Việt Úc thuộc Công ty TNHH Nha khoa Quốc tế Á Âu và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc Sở Y tế (báo cáo);
- UBND phường Phù Vân;
- Phòng khám Nha khoa Việt Úc;
- Trang thông tin điện tử Sở Y tế;
- Lưu: VT, QLKCB.

(Th).

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phan Anh Phong

**PHỤ LỤC . DANH MỤC KỸ THUẬT PHÊ DUYỆT  
THỰC HIỆN TẠI PHÒNG KHÁM NHA KHOA VIỆT ÚC  
THUỘC CÔNG TY TNHH NHA KHOA QUỐC TẾ Á ÂU**  
(Đính kèm Quyết định số /QĐ-SYT ngày tháng 5 năm 2026 của Sở Y tế)

STT	Mã kỹ thuật theo Thông tư 23/2024	Tên chương	Tên kỹ thuật
1.	16.42	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi
2.	16.43	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy cao răng
3.	16.57	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi
4.	16.68	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
5.	16.70	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement
6.	16.71	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement
7.	16.72	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Composite
8.	16.73	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà
9.	16.82	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tủy sống bằng máng thuốc
10	16.83	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt
11	16.84	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
12	16.104	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp nhựa
13	16.105	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại
14	16.106	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cần nhựa
15	16.107	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cần sứ
16	16.108	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim Titanium cần sứ
17	16.109	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần
18	16.110	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại quý cần sứ
19	16.112	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu nhựa
20	16.113	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim thường
21	16.114	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại cần nhựa

<b>STT</b>	<b>Mã kỹ thuật theo Thông tư 23/2024</b>	<b>Tên chương</b>	<b>Tên kỹ thuật</b>
22	16.115	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại cấy sứ
23	16.116	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim Titanium cấy sứ
24	16.117	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại quý cấy sứ
25	16.118	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần
26	16.127	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer Composite gián tiếp
27	16.129	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường
28	16.130	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường
29	16.131	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo
30	16.132	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo
31	16.133	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung kim loại
32	16.137	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo cầu răng giả
33	16.138	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo chụp răng giả
34	16.139	16. RĂNG HÀM MẶT	Sửa hàm giả gãy
35	16.140	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
36	16.141	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
37	16.142	16. RĂNG HÀM MẶT	Đệm hàm nhựa thường
38	16.203	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhỏ răng vĩnh viễn
39	16.204	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhỏ răng vĩnh viễn lung lay
40	16.205	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhỏ chân răng vĩnh viễn
41	16.213	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi xơ cho răng mọc
42	16.214	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới
43	16.221	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
44	16.222	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp

<b>STT</b>	<b>Mã kỹ thuật theo Thông tư 23/2024</b>	<b>Tên chương</b>	<b>Tên kỹ thuật</b>
45	16.223	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp
46	16.224	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
47	16.225	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant
48	16.226	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement
49	16.227	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàn răng không sang chân với GlassIonomer Cement
50	16.228	16. RĂNG HÀM MẶT	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt
51	16.229	16. RĂNG HÀM MẶT	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor
52	16.230	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
53	16.231	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng sữa
54	16.232	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng sữa
55	16.233	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit
56	16.234	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA
57	16.236	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement
58	16.237	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn
59	16.238	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng sữa
60	16.239	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng sữa
61	16.240	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi trẻ em
62	16.241	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)
<b>Tổng số kỹ thuật: 62 kỹ thuật</b>			